ITE
VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment
Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140
Fax:08.38423670, 38455140

QT.17.0324

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 11/05/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước đầu vào nhà máy nước : QT.17.05.010

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 04/05/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0324	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 11/05/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm QT.17.05.010	QCVN 08:2015 (A2)
1	Màu	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	32	-
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	-
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	42	-
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,7	6-8,5
5	Tổng cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	25	-
6	TDS	SMEWW 2540 C	mg/l	43	-
7	SO_4^{2-}	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)(2012)	mg/l	<5	-
8	F^-	TCVN 6494-1:2011	mg/l	0,05	1,5
9	CN^-	SMEWW 4500-CN^-	mg/l	<0,002	0,05
10	H_2S	HACH method 8131	mg/l	0,01	-
11	Cl^-	TCVN 6194:1996	mg/l	<5	350
12	$N – NO_2$	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2005)	mg/l	<0,010	0,05
13	$N – NO_3$	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2005)	mg/l	0,82	5
14	$N – NH_4$	TCVN 6179:1996	mg/l	0,040	0,3
15	Tổng Fe	SMEWW 3125B:2012	mg/l	0,357	1
16	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$17,6x10^{-3}$	0,2
17	Cu	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,87x10^{-3}$	0,2
18	Pb	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,07x10^{-3}$	0,02
19	Zn	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$7,26x10^{-3}$	1,0
20	Ni	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,25x10^{-3}$	0,1
21	Cd	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,440x10^{-3}$	0,005
22	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,20x10^{-3}$	0,1
23	As	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$0,772x10^{-3}$	0,02
24	Hg	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,680x10^{-3}$	0,001
25	Al	SMEWW 3125B:2012	mg/l	0,495	-
26	Na	SMEWW 3125B:2012	mg/l	1,80	-
27	Se	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,852x10^{-3}$	-
28	Chỉ số Pemanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/l	1,3	-
29	Phenol	TCVN 6216 : 1996	mg/l	<0,001	0,005
30	Monocloramin	SMEWW 4500 – Cl G	µg/l	<1	-
31	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	4600	5000
32	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	280	50

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE
VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment
Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140
Fax:08.38423670, 38455140

QT.17.0323

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 11/05/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.05.009

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 04/05/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0323	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 11/05/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.17.05.009	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	4,4	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,3	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	33	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	<5	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$29,7x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$2,28x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,63	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,6	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,60	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE
VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment
Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140
Fax:08.38423670, 38455140

QT.17.0342

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/05/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.05.059

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 10/05/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0342	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 17/05/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.17.05.059	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	4,0	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,3	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	22	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	7	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$30,4x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$3,09x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,64	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	1,0	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,50	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE
VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment
Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140
Fax:08.38423670; 38455140

QT.17.0355

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 24/05/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.05.083

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 17/05/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

VK-MT

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0355	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 24/05/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.17.05.083	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	5,5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,3	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	31	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	9	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$30,7x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$3,16x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,59	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,5	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,47	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140 Fax:08.38423670; 38455140
QT.17.0374	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 30/05/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.05.110

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 23/05/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0374	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 30/05/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.17.05.110	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	3,2	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,17	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	23	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	6	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$33,5x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$3,64x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,52	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,6	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,40	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.